

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN NĂNG LƯỢNG SƠN HÀ
MST: 0101809894

CÔNG TY
CỔ PHẦN
PHÁT
TRIỂN
NĂNG
LƯỢNG
SƠN HÀ

Digitally signed by CÔNG
TY CỔ PHẦN PHÁT
TRIỂN NĂNG LƯỢNG
SƠN HÀ
DN: C=VN, S=HÀ NỘI, L=
Quận Tây Hồ, CN=CÔNG
TY CỔ PHẦN PHÁT
TRIỂN NĂNG LƯỢNG
SƠN HÀ,
OID.0.9.2342.19200300.1
00.1.1=MST:0101809894
Reason: I am the author of
this document
Location:
Date: 2026.10.29
16:33:19+07'00'
Foxit PDF Reader
Version: 2024.4.0

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH
QUÝ 3 NĂM 2026
CÔNG TY MẸ**

Báo cáo gồm có:

- 1 Báo cáo tình hình tài chính công ty
- 2 Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh
- 3 Báo cáo lưu chuyển tiền tệ
- 4 Bản thuyết minh báo cáo tài chính



CÔNG ty Cổ phần Phát triển Năng lượng Sơn Hà

Địa chỉ: Lô D, Cụm công nghiệp thị trấn Phùng, Xã Đan Phượng, Hà Nội

BÁO CÁO TÍNH HÌNH TÀI CHÍNH (CÔNG TY MẸ)

Cho Quý III của năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2026

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH CÔNG TY (CÔNG TY MẸ)

Tại ngày 30/09/2026

Chỉ tiêu	Mã chỉ tiêu	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
TÀI SẢN			-	-
A- TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		326,016,900,922	281,773,726,084
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	1,148,398,844	2,198,213,082
1. Tiền	111		1,148,398,844	2,198,213,082
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		17,616,477,051	11,184,025,247
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh (*)	122		-	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn ngắn hạn	123	V.2	17,616,477,051	11,184,025,247
4. Dự phòng đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn ngắn hạn (*)	124		-	-
5. Đầu tư ngắn hạn khác	125		-	-
6. Dự phòng tổn thất các khoản đầu tư ngắn hạn khác (*)	126		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		250,798,386,683	208,977,370,420
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	251,843,830,349	210,039,502,965
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4	3,878,891,138	4,888,939,945
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Phải thu ngắn hạn khác	135	V.5	1,115,282,500	1,281,807,980
6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	136	V.6	(6,039,617,304)	(7,232,880,470)
7. Tài sản thiếu chờ xử lý	137		-	-
IV. Hàng tồn kho	140		55,968,558,728	59,263,271,027
1. Hàng tồn kho	141	V.7	59,475,420,357	62,770,132,656
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	142		(3,506,861,629)	(3,506,861,629)
V. Tài sản sinh học ngắn hạn	150		-	-
1. Súc vật nuôi lấy sản phẩm một lần ngắn hạn	151		-	-
2. Cây trồng theo mùa vụ hoặc lấy sản phẩm một lần ngắn hạn	152		-	-
3. Dự phòng tổn thất tài sản sinh học ngắn hạn (*)	153		-	-
VI. Tài sản ngắn hạn khác	160		485,079,616	150,846,308
1. Chi phí chờ phân bổ ngắn hạn	161	V.8	485,079,616	150,846,308
2. Thuế GTGT được khấu trừ	162		-	-
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	163		-	-
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	164		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	165		-	-
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		522,053,943,660	21,607,859,563
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5. Phải thu dài hạn khác	215		-	-
6. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (*)	216		-	-
II. Tài sản cố định	220		19,976,666,413	21,126,541,072
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.10	19,976,666,413	21,126,541,072
- Nguyên giá	222		39,479,288,961	39,406,774,563
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(19,502,622,548)	(18,280,233,491)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-

CÔNG ty Cổ phần Phát triển Năng lượng Sơn Hà

Địa chỉ: Lô D, Cụm công nghiệp thị trấn Phùng, Xã Đan Phượng, Hà Nội

BÁO CÁO TÍNH HÌNH TÀI CHÍNH (CÔNG TY MẸ)

Cho Quý III của năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2026

- Nguyên giá	225		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227		-	-
- Nguyên giá	228		159,181,000	159,181,000
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229		(159,181,000)	(159,181,000)
III. Tài sản sinh học dài hạn	230		-	-
1. Súc vật nuôi cho sản phẩm định kỳ	231		-	-
a) Súc vật nuôi cho sản phẩm định kỳ chưa đến giai đoạn tr	232		-	-
b) Súc vật nuôi cho sản phẩm định kỳ đến giai đoạn trưởng	233		-	-
- Nguyên giá	234		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	235		-	-
2. Súc vật nuôi lấy sản phẩm một lần dài hạn	236		-	-
3. Cây trồng theo mùa vụ hoặc lấy sản phẩm một lần dài hạn	237		-	-
4. Dự phòng tổn thất tài sản sinh học dài hạn (*)	238		-	-
IV. Bất động sản đầu tư	240		-	-
- Nguyên giá	241		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	242		-	-
V. Tài sản dở dang dài hạn	250		-	-
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	251		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	252		-	-
- Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253			
- Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254			
- Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255			
VI. Đầu tư tài chính dài hạn	260		501,608,750,105	-
1. Đầu tư vào công ty con	261		501,608,750,105	-
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	262		-	-
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	263		-	-
4. Dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác dài hạn (*)	264		-	-
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn dài hạn	265		-	-
6. Dự phòng đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn dài hạn (*)	266			
VII. Tài sản dài hạn khác	270		468,527,142	481,318,491
1. Chi phí chờ phân bổ dài hạn	271		468,527,142	481,318,491
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	272		-	-
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	273		-	-
4. Tài sản dài hạn khác	274		-	-
- Lợi thế thương mại	279			
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	280		848,070,844,582	303,381,585,647
NGUỒN VỐN			-	-
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		172,369,912,374	140,540,025,082
I. Nợ ngắn hạn	310		170,730,207,297	138,160,320,005
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.11	61,860,023,849	43,356,738,430
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		784,307,027	464,004,578
3. Phải trả cổ tức, lợi nhuận	313			
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước ngắn hạn	314	V.12	3,166,037,407	2,561,403,149
5. Phải trả người lao động	315		1,087,290,800	1,482,247,378
6. Chi phí phải trả ngắn hạn	316		-	366,558,363
7. Phải trả nội bộ ngắn hạn	317		-	-
8. Phải trả theo tiến độ hợp đồng xây dựng ngắn hạn	318		-	-
9. Doanh thu chờ phân bổ ngắn hạn	319		-	-
10. Phải trả ngắn hạn khác	320		323,963,654	342,356,253
11. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	321	V.13a	101,662,336,373	87,740,763,667

CÔNG ty Cổ phần Phát triển Năng lượng Sơn Hà
Địa chỉ: Lô D, Cụm công nghiệp thị trấn Phùng, Xã Đan Phượng, Hà Nội
BÁO CÁO TÍNH HÌNH TÀI CHÍNH (CÔNG TY MẸ)
Cho Quý III của năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2026

12. Dự phòng phải trả ngắn hạn	322		329,908,941	329,908,941
13. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323	V.15	1,516,339,246	1,516,339,246
14. Quỹ bình ổn giá	324		-	-
15. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	325		-	-
II. Nợ dài hạn	330		1,639,705,077	2,379,705,077
1. Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước dài hạn	333		-	-
4. Chi phí phải trả dài hạn	334		-	-
5. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	335		-	-
6. Phải trả nội bộ dài hạn	336		-	-
7. Doanh thu chờ phân bổ dài hạn	337		-	-
8. Phải trả dài hạn khác	338		-	-
9. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	339	V.13b	725,000,000	1,465,000,000
10. Trái phiếu chuyển đổi	340		-	-
11. Cổ phiếu ưu đãi	341		-	-
12. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	342		-	-
13. Dự phòng phải trả dài hạn	343	V.14b	914,705,077	914,705,077
14. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	344		-	-
D.VỐN CHỦ SỞ HỮU	400	V.16	675,700,932,208	162,841,560,565
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		650,039,190,000	149,531,560,000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		650,039,190,000	149,531,560,000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn	412		1,101,120,105	-
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
5. Cổ phiếu mua lại của chính mình (*)	415		-	-
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		-	-
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		-	-
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		24,560,622,103	13,310,000,565
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	420a		13,136,000,565	778,568,985
- LNST chưa phân phối kỳ này	420b		11,424,621,538	12,531,431,580
- Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429			
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		848,070,844,582	303,381,585,647

Lập ngày 29 tháng 10 năm 2026

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc







Trần Thị Thùy Liên

Trịnh Thị Kim Anh

Trần Ngọc Hùng

CÔNG ty Cổ phần Phát triển Năng lượng Sơn Hà
Địa chỉ: Lô D, Cụm công nghiệp thị trấn Phùng, Xã Đan Phượng, Hà Nội
BÁO CÁO TÍNH HÌNH TÀI CHÍNH (CÔNG TY MẸ)
Cho Quý III của năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2026

BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH (CÔNG TY MẸ)

Tại ngày 30 tháng 09 năm 2026

Chỉ tiêu	Mã chỉ tiêu	Thuyết minh	Quý này năm nay	Quý này năm trước	Số lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này (Năm nay)	Số lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này (Năm trước)
- Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ (1)	01	VI.1	103,609,730,054	73,606,016,066	230,552,014,337	274,396,981,147
- Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.2	1,063,254,840	139,570,321	1,187,718,560	3,525,024,754
- Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)	10		102,546,475,214	73,466,445,745	229,364,295,777	270,871,956,393
- Giá vốn hàng bán	11	VI.3	98,311,981,244	65,564,121,682	212,078,817,285	250,810,326,284
- Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ(20=10-11)	20		4,234,493,970	7,902,324,063	17,285,478,492	20,061,630,109
- Lãi/lỗ của hoạt động bán, thanh lý bất động sản đầu tư	21		-	-	-	-
- Doanh thu hoạt động tài chính	22	VI.4	645,578,319	23,444,294	7,514,174,005	194,095,000
- Chi phí tài chính	23	VI.5	2,195,834,620	1,332,924,127	5,826,830,733	3,810,853,963
+ Chi phí đi vay	24		2,180,524,196	1,324,889,797	5,738,969,129	3,763,732,104
- Chi phí bán hàng	25	VI.6	451,534,376	560,229,822	1,516,912,259	1,452,418,612
- Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.7	247,443,359	2,139,914,378	3,076,733,198	6,338,678,821
- Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết	27					
- Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh{30=20+21+(22-23)-(25+26)+27}	30		1,985,259,934	3,892,700,030	14,379,176,307	8,653,773,713
- Thu nhập khác	31	VI.8	1,325,002	1,726,804,488	4,466,065	4,417,750,747
- Chi phí khác	32		6,046,807	5,172,860	33,258,169	713,509,947
- Lợi nhuận khác(40=31-32)	40		(4,721,805)	1,721,631,628	(28,792,104)	3,704,240,800
- Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế(50=30+40)	50		1,980,538,129	5,614,331,658	14,350,384,203	12,358,014,513
- Chi phí thuế TNDN hiện hành	51		407,284,826	1,127,980,596	2,925,762,665	2,479,794,031
- Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-	-	-

CÔNG ty Cổ phần Phát triển Năng lượng Sơn Hà
Địa chỉ: Lô D, Cụm công nghiệp thị trấn Phùng, Xã Đan Phượng, Hà Nội
BÁO CÁO TÍNH HÌNH TÀI CHÍNH (CÔNG TY MẸ)
Cho Quý III của năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2026

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ - PPGT (CÔNG TY MẸ)

Tại ngày 30 tháng 09 năm 2026

P

Chỉ tiêu	Mã chỉ tiêu	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này (Năm nay)	Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này (Năm trước)
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			-	-
1. Lợi nhuận trước thuế	01		11,831,906,364	2,927,550,995
2. Điều chỉnh cho các khoản			-	-
- Khấu hao TSCĐ	02	V.10	1,222,389,057	472,983,989
- Các khoản dự phòng	03		(1,193,263,166)	-
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		-	-
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư, tài chính	05		-	-
- Chi phí đi vay	06	VI.5	2,180,524,196	1,049,223,618
- Các khoản điều chỉnh khác	07		-	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		14,041,556,451	4,449,758,602
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(40,627,753,097)	(33,828,155,697)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		3,294,712,299	(2,486,999,995)
- Tăng, giảm các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		20,130,923,018	29,368,503,825
- Tăng, giảm chi phí chờ phân bổ	12		(321,441,959)	77,063,167
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13		-	-
- Chi phí đi vay đã trả	14		(2,180,524,196)	(1,049,223,618)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(1,889,893,258)	-
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		(174,000,000)	-
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(7,726,420,742)	(3,469,053,716)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			-	-
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(72,514,398)	(20,538,668)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		-	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(6,468,451,804)	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		36,000,000	-
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		(501,608,750,105)	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(508,113,716,307)	(20,538,668)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			-	-

1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		501,608,750,105	-
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu đã phát hành	32		-	-
3. Tiền thu từ đi vay	33	V.13	146,455,794,617	34,239,155,645
4. Tiền trả nợ gốc vay	34	V.13	(133,274,221,911)	(33,595,249,390)
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		514,790,322,811	643,906,255
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ ($50 = 20+30+40$)	50		(1,049,814,238)	(2,845,686,129)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	V.1	2,198,213,082	3,956,588,389
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ ($70 = 50+60+61$)	70	V.1	1,148,398,844	1,110,902,260

Lập ngày 29 tháng 10 năm 2026

Người lập biểu

Thien

Trần Thị Thùy Liên

Kế toán trưởng

Kim Anh

Trịnh Thị Kim Anh

Giám đốc



Trần Ngọc Hùng

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN NĂNG LƯỢNG SƠN HÀ

Địa chỉ: Lô D, Cụm Công nghiệp Thị trấn Phùng, xã Đan Phượng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ III NĂM 2026

Kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 07 năm 2026 đến ngày 30 tháng 9 năm 2026

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 3 NĂM 2026

Kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 07 năm 2026 đến ngày 30 tháng 9 năm 2026

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Phát triển Năng lượng Sơn Hà (sau đây gọi tắt là "Công ty") là Công ty cổ phần.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là sản xuất, thương mại.

3. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là: Sản xuất kinh doanh thiết bị năng lượng, kinh doanh xe máy điện và bán điện mặt trời áp mái.

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

5. Đặc điểm hoạt động của Công ty trong kỳ có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính

Trong kỳ, doanh thu thuần của Công ty tăng 39.58% so với cùng kỳ năm trước. Tuy nhiên, lợi nhuận gộp giảm 46,41% chủ yếu do doanh thu bán hàng thành phẩm giảm, phần lớn là doanh thu từ các mặt hàng vật tư inox có tỷ suất lợi nhuận gộp thấp.

6. Cấu trúc Công ty

Công ty con

Công ty đầu tư vào 01 Công ty con là Công ty TNHH MTV Sơn Hà SSP Việt Nam có trụ sở hoạt động tại Lô D, Cụm Công nghiệp Thị trấn Phùng, xã Đan Phượng, thành phố Hà Nội, Việt Nam. Hoạt động kinh doanh chính của Công ty con là Sản xuất và gia công cơ khí các sản phẩm, đồ dùng bằng kim loại. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, tỷ lệ vốn góp của Công ty tại Công ty con là 100%, tỷ lệ quyền biểu quyết và tỷ lệ lợi ích tương đương với tỷ lệ góp vốn.

7. Số lượng người lao động

Tại ngày 30 tháng 9 năm 2026, Công ty có 52 nhân viên (Tại ngày 01 tháng 01 năm 2026: 59 nhân viên).

8. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính

Các số liệu tương ứng của kỳ trước so sánh được với số liệu của kỳ này. Trong kỳ, Công ty lần đầu tiên áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam ban hành theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC ngày 27 tháng 10 năm 2025 của Bộ Tài chính ("Thông tư 99") thay thế Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 ("Thông tư 200"). Theo đó, một số khoản mục trên Báo cáo tài chính đã được tái phân loại và đổi tên theo quy định mới. Số liệu cột "Số đầu năm" và cột "Kỳ trước" trên Báo cáo tài chính giữa niên độ đã được trình bày lại theo cách phân loại và tên gọi mới của Thông tư 99 để đảm bảo tính so sánh được. Các thay đổi này không làm ảnh hưởng đến tổng giá trị tài sản, tổng nợ phải trả, vốn chủ sở hữu và lợi nhuận sau thuế của Công ty.

9. Thông tin khác

Cổ phiếu của Công ty đã được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội (HNX) với mã chứng khoán "SHE" theo Quyết định số 759/QĐ-SGDHN ngày 20 tháng 12 năm 2018 của Sở Giao dịch

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN NĂNG LƯỢNG SƠN HÀ

Địa chỉ: Lô D, Cụm Công nghiệp Thị trấn Phùng, xã Đan Phượng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ III/2026

Kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 07 năm 2026 đến ngày 30 tháng 9 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Chứng khoán. Ngày giao dịch đầu tiên là ngày 25 tháng 01 năm 2019. Số lượng cổ phiếu đang niêm yết tại ngày kết thúc kỳ kế toán là 65.003.919 cổ phiếu, với mệnh giá 10.000 VND/cổ phiếu.

II. KỲ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Kỳ kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (“VND”) do các giao dịch chủ yếu được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng các chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC ngày 27 tháng 10 năm 2025 (“Thông tư 99”) và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Áp dụng chế độ kế toán doanh nghiệp mới

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026 là năm đầu tiên Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp theo Thông tư 99 thay thế cho Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014.

Việc chuyển đổi sang Thông tư 99 được thực hiện theo các phương pháp sau:

- Đối với các thay đổi chính sách kế toán mà Thông tư 99 có hướng dẫn chuyển đổi cụ thể, Công ty thực hiện theo hướng dẫn đó.
- Đối với các thay đổi chính sách kế toán mà Thông tư 99 không có quy định phải điều chỉnh hồi tố hoặc hồi tố đơn giản, Công ty áp dụng phương pháp phi hồi tố.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban điều hành Công ty đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư 99 cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN, ƯỚC TÍNH KẾ TOÁN VÀ CÁC QUY ĐỊNH PHÁP LUẬT CÓ LIÊN QUAN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền), theo nguyên tắc giá gốc và trên giả định hoạt động liên tục.

2. Tiền

Tiền của Công ty chỉ bao gồm tiền mặt và tiền gửi không kỳ hạn, không bị hạn chế sử dụng.

3. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN NĂNG LƯỢNG SƠN HÀ

Địa chỉ: Lô D, Cụm Công nghiệp Thị trấn Phùng, xã Đan Phượng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ III/2026

Kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 07 năm 2026 đến ngày 30 tháng 9 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Khoản đầu tư được phân loại là nắm giữ đến ngày đáo hạn khi Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn của Công ty chỉ bao gồm các khoản tiền gửi có kỳ hạn. Thu nhập lãi sau ngày mua được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính trên cơ sở dự thu.

Việc trích lập dự phòng đối với khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được thực hiện khi có bằng chứng cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn có khả năng không thu hồi được và số tổn thất được xác định một cách đáng tin cậy. Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đối với khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào chi phí tài chính.

Các khoản đầu tư vào công ty con

Công ty con là doanh nghiệp chịu sự kiểm soát của Công ty. Việc kiểm soát đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích kinh tế từ các hoạt động của doanh nghiệp đó.

Ghi nhận ban đầu

Các khoản đầu tư vào công ty con được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư (chi phí giao dịch, môi giới, tư vấn, kiểm toán, lệ phí, thuế và phí ngân hàng,...). Riêng trường hợp Công ty vay vốn để đầu tư vào công ty con thì chi phí lãi vay được ghi nhận vào chi phí tài chính mà không được vốn hóa. Trường hợp đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ, giá phí khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản phi tiền tệ tại thời điểm phát sinh. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được theo dõi theo giá gốc.

Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty con

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty con được trích lập khi công ty con bị lỗ hoặc khoản đầu tư bị suy giảm giá trị dẫn đến Công ty có khả năng bị mất vốn. Mức trích lập bằng tỷ lệ sở hữu vốn điều lệ thực góp (%) của Công ty tại công ty con tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán nhân (x) với phần chênh lệch giữa vốn đầu tư thực tế của các chủ sở hữu và vốn chủ sở hữu của công ty con tại cùng thời điểm. Nếu công ty con là đối tượng lập Báo cáo tài chính hợp nhất thì căn cứ để xác định dự phòng tổn thất là Báo cáo tài chính hợp nhất.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công ty con cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào chi phí tài chính.

4. Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo từng đối tượng, kỳ hạn và nguyên tệ.

Các khoản phải thu của khách hàng và phải thu khác được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên Báo cáo tình hình tài chính căn cứ theo kỳ hạn còn lại tại ngày kết thúc kỳ kế toán

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN NĂNG LƯỢNG SƠN HÀ

Địa chỉ: Lô D, Cụm Công nghiệp Thị trấn Phùng, xã Đan Phượng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ III/2026

Kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 07 năm 2026 đến ngày 30 tháng 9 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi sau khi đã bù trừ với khoản nợ phải trả (nếu có). Mức trích lập căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
 - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 6 tháng đến dưới 1 năm.
 - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
 - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
 - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

Tăng, giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

5. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, hàng hóa: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang bao gồm chi phí nguyên vật liệu chính, chi phí nhân công và các chi phí có liên quan trực tiếp khác.
- Sản phẩm: bao gồm chi phí nguyên vật liệu, nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung có liên quan trực tiếp được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường.

Giá xuất kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

6. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ. Chi phí sửa chữa, bảo dưỡng thường xuyên tài sản cố định hữu hình được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ phát sinh. Đối với các tài sản cố định mà theo yêu cầu kỹ thuật phải được sửa chữa, bảo dưỡng định kỳ, chi phí sửa chữa, bảo dưỡng định kỳ phát sinh có giá trị lớn được ghi nhận là chi phí chờ phân bổ và phân bổ dần vào chi phí sản xuất, kinh doanh cho đến kỳ sửa chữa, bảo dưỡng định kỳ tiếp theo.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN NĂNG LƯỢNG SƠN HÀ

Địa chỉ: Lô D, Cụm Công nghiệp Thị trấn Phùng, xã Đan Phượng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ III/2026

Kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 07 năm 2026 đến ngày 30 tháng 9 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian hữu dụng và phương pháp khấu hao được xem xét lại ít nhất vào cuối mỗi năm tài chính và điều chỉnh nếu cần thiết. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	10
Máy móc và thiết bị	03 - 20
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	03 - 07
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 05

7. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty.
- Chi phí phải trả phản ánh: các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua trong kỳ nhưng thực tế chưa chi trả do chưa có đủ chứng từ, hồ sơ, tài liệu kế toán; các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép; và các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh khác phải trích trước (như chi phí trong thời gian ngừng sản xuất theo mùa vụ, chi phí lãi vay phải trả).
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa, dịch vụ.

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên Báo cáo tình hình tài chính căn cứ theo kỳ hạn còn lại tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

8. Các khoản dự phòng phải trả

Các khoản dự phòng phải trả được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại (nghĩa vụ pháp lý hoặc nghĩa vụ liên đới) do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, việc thanh toán nghĩa vụ nợ này có thể sẽ dẫn đến sự giảm sút về những lợi ích kinh tế và giá trị của nghĩa vụ nợ đó có thể được một ước tính đáng tin cậy.

Giá trị được ghi nhận của một khoản dự phòng phải trả là giá trị được ước tính hợp lý nhất về khoản tiền Công ty sẽ phải chi để thanh toán nghĩa vụ nợ hiện tại tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Các khoản dự phòng phải trả của Công ty chủ yếu bao gồm dự phòng chi phí bảo hành sản phẩm, hàng hóa. Dự phòng bảo hành được lập cho các sản phẩm, hàng hóa có cam kết bảo hành trên cơ sở ước tính chi phí bảo hành dự kiến phát sinh.

Từ năm 2021 trở về trước, mức dự phòng bảo hành được xác định theo tỷ lệ 2% doanh thu đối với sản phẩm Thái Dương Năng và 9,69% doanh thu đối với sản phẩm RO, trên cơ sở dữ liệu thực tế về chi phí bảo hành trong giai đoạn từ năm 2017 đến năm 2021.

Từ năm 2022, Công ty không trích lập bổ sung dự phòng chi phí bảo hành do thực tế không phát sinh đáng kể các trường hợp sản phẩm, hàng hóa bị hư hỏng phải thực hiện bảo hành. Số dư dự phòng đã trích lập trong các năm trước được tiếp tục theo dõi để bù đắp các chi phí bảo hành có thể phát sinh liên quan đến các sản phẩm, hàng hóa đã bán.

Tăng, giảm số dự phòng bảo hành sản phẩm, hàng hóa cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào chi phí bán hàng.

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN NĂNG LƯỢNG SƠN HÀ

Địa chỉ: Lô D, Cụm Công nghiệp Thị trấn Phùng, xã Đan Phượng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ III/2026

Kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 07 năm 2026 đến ngày 30 tháng 9 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

9. Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

Thặng dư vốn

Thặng dư vốn được ghi nhận bao gồm:

- Phần chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu hoặc phát hành bổ sung.
- Chênh lệch giữa giá mua lại và giá bán tái phát hành cổ phiếu mua lại của chính mình.
- Phần chênh lệch giữa giá trị nợ gốc trái phiếu chuyển đổi lớn hơn mệnh giá cổ phiếu phát hành thêm khi chuyển đổi và toàn bộ giá trị quyền chọn chuyển đổi được kết chuyển vào thặng dư vốn bất kể trái chủ có thực hiện quyền chọn hay không.
- Phần chênh lệch giữa giá trị vốn góp thực nhận và giá trị vốn theo Điều lệ Công ty.

Chi phí trực tiếp liên quan đến phát hành cổ phiếu thành công được ghi giảm thặng dư vốn. Chi phí phát hành cổ phiếu không thành công được ghi nhận vào chi phí tài chính trong kỳ.

10. Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho chủ sở hữu sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

11. Ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu bán hàng hóa, sản phẩm

Doanh thu bán hàng hóa, sản phẩm được ghi nhận khi Công ty hoàn thành nghĩa vụ thực hiện cam kết trong hợp đồng bằng việc chuyển giao quyền kiểm soát hàng hóa, sản phẩm cho khách hàng, đồng thời thỏa mãn tất cả các điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa, sản phẩm cho người mua.
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa, sản phẩm như người sở hữu hàng hóa, sản phẩm hoặc quyền kiểm soát hàng hóa, sản phẩm.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- Công ty đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu bán điện

Doanh thu bán điện được ghi nhận hàng tháng căn cứ vào Biên bản xác nhận sản lượng điện năng đã phát vào lưới điện quốc gia được Công ty Mua bán điện thuộc Tập đoàn điện lực Việt Nam xác nhận và đơn giá quy định trong hợp đồng và các phụ lục hợp đồng mua bán điện đã được ký kết.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực từng kỳ.

12. Các khoản giảm trừ doanh thu

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN NĂNG LƯỢNG SƠN HÀ

Địa chỉ: Lô D, Cụm Công nghiệp Thị trấn Phùng, xã Đan Phượng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ III/2026

Kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 07 năm 2026 đến ngày 30 tháng 9 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Các khoản giảm trừ doanh thu bao gồm chiết khấu thương mại và hàng bán bị trả lại. Các khoản này được theo dõi riêng và kết chuyển vào doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ để xác định doanh thu thuần trong kỳ báo cáo.

Trường hợp sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ đã tiêu thụ từ các kỳ trước, đến kỳ sau mới phát sinh chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán hoặc hàng bán bị trả lại, Công ty ghi giảm doanh thu theo nguyên tắc:

- Nếu các khoản giảm trừ phát sinh trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính: đây là sự kiện cần điều chỉnh phát sinh sau ngày lập Báo cáo tài chính và được ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính của kỳ lập báo cáo.
- Nếu các khoản giảm trừ phát sinh sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính: được ghi giảm doanh thu của kỳ phát sinh.

13. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí trong kỳ khi phát sinh, trừ khi đủ điều kiện được vốn hóa. Công ty không phát sinh chi phí đi vay đủ điều kiện vốn hóa trong kỳ.

14. Các khoản chi phí

Chi phí là những khoản làm giảm lợi ích kinh tế, được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa. Chi phí được ghi nhận ngay cả khi chưa đến kỳ hạn thanh toán nhưng có khả năng chắc chắn sẽ phát sinh nhằm đảm bảo nguyên tắc thận trọng và bảo toàn vốn.

Khi Công ty ghi nhận một khoản doanh thu thì phải ghi nhận một khoản chi phí tương ứng có liên quan đến việc tạo ra doanh thu đó. Chi phí tương ứng bao gồm chi phí của kỳ tạo ra doanh thu và chi phí của các kỳ trước hoặc chi phí phải trả nhưng liên quan đến doanh thu của kỳ đó. Trong trường hợp nguyên tắc phù hợp xung đột với nguyên tắc thận trọng, chi phí được ghi nhận căn cứ vào bản chất của giao dịch và các chuẩn mực kế toán Việt Nam để đảm bảo phản ánh giao dịch một cách trung thực, hợp lý.

15. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chính sách kế toán thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty được thực hiện theo quy định của Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp số 67/2025/QH15 ngày 14 tháng 6 năm 2025, Nghị định số 320/2025/NĐ-CP ngày 15 tháng 12 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp, các văn bản hướng dẫn của Bộ Tài chính và các quy định pháp luật khác có liên quan.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty chỉ bao gồm thuế thu nhập hiện hành, là số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp tính trên thu nhập tính thuế trong năm và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ, các khoản thu nhập không chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Hàng quý, Công ty xác định và ghi nhận số thuế thu nhập doanh nghiệp tạm phải nộp theo tờ khai thuế. Cuối năm tài chính, Công ty xác định số thuế thu nhập doanh nghiệp thực tế phải nộp theo tờ khai quyết toán và điều chỉnh chênh lệch so với số đã tạm ghi nhận trong năm.

16. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung.

Các bên liên quan với Công ty bao gồm:

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN NĂNG LƯỢNG SƠN HÀ

Địa chỉ: Lô D, Cụm Công nghiệp Thị trấn Phùng, xã Đan Phượng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ III/2026

Kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 07 năm 2026 đến ngày 30 tháng 9 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

- Công ty mẹ, công ty con và các công ty con khác trong cùng tập đoàn.
- Các cá nhân có quyền biểu quyết trực tiếp hoặc gián tiếp dẫn đến ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, bao gồm các thành viên Hội đồng quản trị và những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này.
- Các thành viên quản lý chủ chốt có quyền và trách nhiệm lập kế hoạch, quản lý và kiểm soát hoạt động của Công ty, bao gồm Ban điều hành, Ban kiểm soát, các thành viên quản lý khác và những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này.
- Các doanh nghiệp mà các cá nhân thuộc các nhóm trên nắm giữ tỷ lệ biểu quyết (trực tiếp hoặc gián tiếp) đủ lớn để có thể gây ảnh hưởng đáng kể đến doanh nghiệp đó, bao gồm các doanh nghiệp được sở hữu bởi thành viên quản lý chủ chốt hoặc cổ đông chính của Công ty và các doanh nghiệp có chung thành viên quản lý chủ chốt với Công ty.

Thành viên mật thiết trong gia đình của một cá nhân là những người có thể chi phối hoặc bị chi phối bởi cá nhân đó khi giao dịch với Công ty, bao gồm: bố, mẹ, vợ, chồng, con, anh, chị em ruột.

Giao dịch giữa các bên liên quan là việc chuyển giao các nguồn lực hay các nghĩa vụ giữa các bên liên quan, không xét đến việc có tính giá hay không.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

17. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một bộ phận có thể phân biệt được của một doanh nghiệp tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ riêng lẻ, một nhóm các sản phẩm hoặc các dịch vụ có liên quan mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một bộ phận có thể phân biệt được của một doanh nghiệp tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

Tính chất rủi ro và lợi ích kinh tế là căn cứ chủ yếu để xác định báo cáo bộ phận chính yếu được lập theo lĩnh vực kinh doanh hay khu vực địa lý. Nếu rủi ro và tỷ suất sinh lời bị tác động chủ yếu bởi sự khác biệt về sản phẩm và dịch vụ thì báo cáo chính yếu được lập theo lĩnh vực kinh doanh và báo cáo thứ yếu theo khu vực địa lý. Ngược lại, nếu rủi ro và tỷ suất sinh lời bị tác động chủ yếu bởi sự khác biệt về khu vực địa lý thì báo cáo chính yếu được lập theo khu vực địa lý và báo cáo thứ yếu theo lĩnh vực kinh doanh. Cơ cấu tổ chức, quản lý và hệ thống báo cáo tài chính nội bộ của Công ty là cơ sở chính để xác định báo cáo bộ phận chính yếu hay thứ yếu.

Một bộ phận phải báo cáo khi phần lớn doanh thu có nguồn gốc từ bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài và đáp ứng ít nhất một trong các ngưỡng:

- Doanh thu của bộ phận chiếm từ 10% trở lên tổng doanh thu của tất cả các bộ phận.
- Kết quả kinh doanh của bộ phận chiếm từ 10% trở lên tổng kết quả kinh doanh của tất cả các bộ phận có lãi hoặc tổng kết quả kinh doanh của tất cả các bộ phận bị lỗ (tùy theo giá trị tuyệt đối nào lớn hơn).
- Tổng tài sản của bộ phận chiếm từ 10% trở lên tổng tài sản của tất cả các bộ phận.

Thông tin bộ phận được lập và trình bày phù hợp với chính sách kế toán áp dụng cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính của Công ty.

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN NĂNG LƯỢNG SƠN HÀ

Địa chỉ: Lô D, Cụm Công nghiệp Thị trấn Phùng, xã Đan Phượng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ III/2026

Kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 07 năm 2026 đến ngày 30 tháng 9 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

Các khoản tiền và tương đương tiền doanh nghiệp đang nắm giữ nhưng không bị hạn chế sử dụng, bao gồm:

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Tiền mặt	110.704.448	264.970.944
Tiền gửi không kỳ hạn	1.037.694.396	1.933.242.138
Cộng	1.148.398.844	2.198.213.082

2. Các khoản đầu tư tài chính

2a. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị dự phòng	Giá gốc	Giá trị dự phòng
<i>Tiền gửi có kỳ hạn (*)</i>	<i>17.616.477.051</i>		<i>11.184.025.247</i>	-
Ngân hàng TMCP Quân đội	6.238.771.200	-	6.128.400.000	-
Ngân hàng TMCP Ngoại thương VN	6.150.000.000			
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam	5.055.625.247	-	5.055.625.247	-
<i>Lãi dự thu tiền gửi có kỳ hạn</i>	<i>172.080.604</i>	-	<i>176.525.480</i>	-
Cộng	17.616.477.051	-	11.184.025.247	-

(*) Là các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn 12 tháng, lãi suất 2,1% - 4,9%/năm. Các khoản tiền gửi này được dùng làm tài sản đảm bảo cho các khoản vay ngắn hạn tại cùng ngân hàng.

Giá trị có thể thu hồi

Đối với các khoản tiền gửi có kỳ hạn, giá trị có thể thu hồi được xác định bằng giá gốc.

2b. Đầu tư vào Công ty con

Thực hiện Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông bất thường số 17/2025/NQ-ĐHĐCĐ/SHE ngày 17 tháng 11 năm 2025, Công ty đã phát hành 50.050.763 cổ phiếu để hoán đổi toàn bộ phần vốn tại Công ty TNHH MTV Sơn Hà SSP Việt Nam ("SSP") của Công ty Cổ phần Quốc tế Sơn Hà, với giá hoán đổi là 501.608.750.105 VND (10.022 VND/cổ phiếu), tổng giá trị phát hành theo mệnh giá là 500.507.630.000 VND. Ngày 03 tháng 3 năm 2026, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước đã ban hành Công văn thông báo nhận được Báo cáo kết quả phát hành cổ phiếu của Công ty.

Mục đích của việc đầu tư vào SSP là giúp Công ty tăng trưởng quy mô vốn và tài sản, đồng thời mở rộng kinh doanh sang các mặt hàng ống inox (là thế mạnh của SSP).

SSP hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0106980045, đăng ký lần đầu ngày 08 tháng 9 năm 2025 và thay đổi lần thứ 18 ngày 10 tháng 4 năm 2026, với vốn điều lệ là 470.000.000.000 VND.

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, Công ty sở hữu 100% vốn điều lệ của SSP.

Giá trị có thể thu hồi

Công ty chưa xác định được giá trị có thể thu hồi của khoản đầu tư không có giá niêm yết do chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị có thể thu hồi.

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN NĂNG LƯỢNG SƠN HÀ

Địa chỉ: Lô D, Cụm Công nghiệp Thị trấn Phùng, xã Đan Phượng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ III/2026

Kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 07 năm 2026 đến ngày 30 tháng 9 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Tình hình hoạt động của công ty con

Công ty con đang hoạt động kinh doanh bình thường, không có thay đổi lớn so với năm trước.

Dự phòng cho các khoản đầu tư góp vốn vào Công ty con

Trong kỳ, Công ty không phát sinh khoản dự phòng đầu tư góp vốn vào Công ty con.

Giao dịch với công ty con

Các giao dịch trọng yếu giữa Công ty với công ty con được trình bày tại thuyết minh số VII.1b.

3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	Số đầu năm	
	Giá trị ghi sổ	Giá trị ghi sổ
<i>Phải thu các bên liên quan</i>	156.212.983.655	122.855.301.982
Công ty cổ phần Kinh doanh và Phát Triển Dự án Sơn Hà	-	47.674.440
Công ty Cổ phần Sơn Hà Sài Gòn	1.140.410.732	1.091.288.081
Công ty Cổ phần Quốc tế Sơn Hà	146.575.125.802	113.281.176.522
Công ty Cổ phần Sơn Hà Nghệ An	450.327.180	874.627.580
Công ty TNHH MTV Kinh doanh và Phát triển Dịch vụ Sơn Hà Miền Bắc	4.831.109.334	4.121.935.878
Công ty TNHH Một thành viên Toàn Mỹ Miền Trung	442.372.900	1.185.607.132
Công ty Cổ phần thiết bị gia dụng Sơn Hà Bắc Ninh	369.389.347	507.369.047
Công ty Cổ phần Tổng công ty Toàn Mỹ	2.404.248.360	1.745.623.302
<i>Phải thu các khách hàng khác</i>	95.630.846.694	87.184.200.983
Công ty Cổ phần Thương mại Quốc tế Phú Sĩ	1.119.737.886	1.119.737.886
Công ty TNHH Xe máy Xe điện Nam Tiến Phát tại Đà Nẵng	3.121.879.418	4.315.142.584
Công ty CP Xuất Nhập Khẩu Xuyên Thái Bình Dương	5.231.773.222	18.403.502.246
Công ty TNHH Thương Mại và Sản Xuất Chấn Hưng	19.219.798.813	22.693.922.709
Công ty TNHH Thương Mại Inox Hà Đông	39.309.673.205	10.857.374.251
Công ty TNHH Kinh Doanh Tổng Hợp Đại An	21.246.152.845	29.305.595.316
Các khách hàng khác	6.381.831.305	488.925.991
Cộng	251.843.830.349	210.039.502.965

(i) Khoản phải thu Công ty Cổ phần Quốc tế Sơn Hà ("SHI"/Công ty mẹ) về việc cung cấp thành phẩm, hàng hóa. Theo Hợp đồng nguyên tắc với SHI, ngày đến hạn thanh toán được xác định trong vòng 12 ngày kể từ ngày kết thúc tháng nhập hàng (nếu trùng ngày nghỉ/lễ sẽ lùi sang ngày làm việc tiếp theo). Nếu SHI chậm thanh toán quá 3 ngày kể từ ngày đến hạn, SHI sẽ phải chịu lãi suất chậm trả tương ứng với thời gian vi phạm. Lãi suất áp dụng là lãi suất cho vay ngắn hạn của Ngân hàng BIDV. Lãi suất áp dụng trong kỳ này là từ 8% - 12%/năm (cùng kỳ năm trước: 6,3%/năm).

(ii) Quyền phải thu từ hợp đồng bán hàng của Công ty cho SHI và Hợp đồng mua bán điện số 66 ngày 11 tháng 12 năm 2020 đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay ngân hàng (xem thuyết minh V.14).

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN NĂNG LƯỢNG SƠN HÀ

Địa chỉ: Lô D, Cụm Công nghiệp Thị trấn Phùng, xã Đan Phượng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ III/2026

Kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 07 năm 2026 đến ngày 30 tháng 9 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

4. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Công ty Cổ phần Thương mại Quốc tế Phú Sỹ	726.000.000	726.000.000
Guangxi Quinbao International Trade Co.,Ltd	2.469.973.533	2.470.185.575
Chongqing Charming Motorcycle Manufacture Co., LTD	265.395.022	265.415.072
Các nhà cung cấp khác	417.522.583	1.427.339.298
Cộng	3.878.891.138	4.888.939.945

5. Phải thu ngắn hạn khác

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị ghi sổ	Giá trị dự phòng	Giá trị ghi sổ	Giá trị dự phòng
Tạm ứng	10.000.000	-	-	-
Ký cược, ký quỹ	23.000.000	-	23.000.000	-
Ông Kiều Thanh Phong (*)	536.000.000	(536.000.000)	536.000.000	(536.000.000)
Ông Nguyễn Văn Thảo (*)	536.000.000	(536.000.000)	536.000.000	(536.000.000)
Các khoản phải thu ngắn hạn khác	10.282.500	-	186.807.980	-
Cộng	1.115.782.500	(1.072.000.000)	1.281.807.980	(1.072.000.000)

- (*) Đây là khoản phải thu Ông Kiều Thanh Phong và Ông Nguyễn Văn Thảo liên quan đến số tiền đã chuyển cho các cá nhân này để mua cổ phần tại Công ty Cổ phần Năng lượng Toàn Mỹ theo Hợp đồng chuyển nhượng cổ phần ngày 01 tháng 7 năm 2011. Tuy nhiên theo kết luận của Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội ngày 16 tháng 4 năm 2013, các cá nhân đều không có căn cứ chứng minh đã góp vốn vào Công ty Cổ phần Năng lượng Toàn Mỹ và hợp đồng chuyển nhượng không được công nhận. Công ty đã trích lập dự phòng khó đòi đối với khoản này. Ngày 08/5/2026, đơn vị đã lập đơn khởi kiện yêu cầu các đối tượng hoàn trả số tiền đã chiếm dụng và gửi lên Tòa án nhân dân Khu vực 3 – Thành phố Hà Nội thụ lý, xem xét.

6. Nợ xấu

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Công ty TNHH Xe máy Xe điện Nam Tiến Phát tại Đà Nẵng	3.121.879.418	(3.121.879.418)	4.315.142.584	(4.315.142.584)
Công ty Cổ phần Thương mại Quốc tế Phú Sỹ	1.845.737.886	(1.845.737.886)	1.845.737.886	(1.845.737.886)
Ông Kiều Thanh Phong	536.000.000	(536.000.000)	536.000.000	(536.000.000)
Ông Nguyễn Văn Thảo	536.000.000	(536.000.000)	536.000.000	(536.000.000)
Cộng	6.039.617.304	(6.039.617.304)	7.232.880.470	(7.232.880.470)

Tình hình biến động dự phòng nợ phải thu như sau:

	Kỳ này	Kỳ trước
Số đầu năm	7.232.880.470	3.390.388.821
Hoàn nhập dự phòng (*)	(-1.193.263.166)	(40.800.000)
Số cuối kỳ	6.039.617.304	3.349.588.821

- (*) Trong kỳ, Công ty đã hoàn nhập một phần dự phòng của Công ty TNHH Xe máy Xe điện Nam Tiến Phát tại Đà Nẵng do đã thu hồi được công nợ và thu hồi hàng bán.

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN NĂNG LƯỢNG SƠN HÀ

Địa chỉ: Lô D, Cụm Công nghiệp Thị trấn Phùng, xã Đan Phượng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ III/2026

Kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 07 năm 2026 đến ngày 30 tháng 9 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

7. Hàng tồn kho

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	43.436.010.649	(354.141.941)	46.995.269.542	(354.141.941)
Công cụ, dụng cụ	659.752.285		802.306.629	
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	455.365.718		307.459.652	
Thành phẩm	10.277.701.094	(3.152.719.688)	8.571.212.715	(3.152.719.688)
Hàng hóa	4.646.590.611		6.093.884.118	
Cộng	59.475.420.357	(3.506.861.629)	62.770.132.656	(3.506.861.629)

8. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
Nguyên giá					
Số đầu năm	1.100.281.195	36.437.764.399	1.698.620.471	170.108.498	39.406.774.563
Mua trong năm/kỳ		299.644.664			299.644.664
Thanh lý, nhượng bán		-162.183.100		-64.947.166	-227.130.266
Số cuối kỳ	1.100.281.195	36.575.225.963	1.698.620.471	105.161.332	39.479.288.961
Giá trị hao mòn					
Số đầu năm	-353.746.321	16.447.449.595	1.308.929.077	170.108.498	18.280.233.491
Khấu hao trong năm/kỳ	-82.521.090	-1.297.952.802	-63.767.691		-1.444.241.583
Thanh lý, nhượng bán		156.905.360		64.947.166	221.852.526
Số cuối kỳ	-436.267.411	17.588.497.037	1.372.696.768	105.161.332	19.502.622.548
Giá trị còn lại					
Số đầu năm	746.534.874	19.990.314.804	389.691.394	-	21.126.541.072
Số cuối kỳ	664.013.784	18.986.728.926	325.923.703	-	19.976.666.413

9. Phải trả người bán ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Phải trả các bên liên quan	57.873.813.464	36.248.370.875
Công ty Cổ Phần Quốc tế Sơn Hà	24.244.816.641	
Công ty TNHH MTV Sơn Hà SSP Việt Nam	23.249.336.225	26.975.492.825
Công ty TNHH MTV Kinh doanh và Phát triển Dịch vụ Sơn Hà Miền Bắc	-	2.880.000
Công ty Cổ phần Thiết bị Gia dụng Sơn Hà Bắc Ninh	10.357.908.218	9.135.676.960
Công ty TNHH MTV Quốc tế Sơn Hà - Chu Lai	21.752.380	134.321.090
Phải trả các nhà cung cấp khác	3.986.210.385	7.108.367.555
Cộng	61.860.023.849	43.356.738.430

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN NĂNG LƯỢNG SƠN HÀ

Địa chỉ: Lô D, Cụm Công nghiệp Thị trấn Phùng, xã Đan Phượng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ III/2026

Kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 07 năm 2026 đến ngày 30 tháng 9 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

10. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Công ty Cổ phần Castrol Gogoro Mobility	238.871.458	-
Công ty Cổ phần Phát triển nhà Nghệ An	440.000.000	440.000.000
Các khách hàng khác	105.435.569	24.004.578
Cộng	784.307.027	464.004.578

11. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước ngắn hạn

	Số đầu năm	Số phải nộp trong kỳ	Số đã thực nộp trong kỳ	Số cuối kỳ
Thuế GTGT hàng bán nội địa	647.277.188	1.646.285.650	1.585.084.197	708.478.641
Thuế GTGT hàng nhập khẩu	-	5.153.732.851	5.153.732.851	-
Thuế xuất, nhập khẩu	-	3.772.279.329	3.772.279.329	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.889.893.255	2.925.762.665	2.389.893.258	2.425.762.662
Thuế thu nhập cá nhân	24.232.706	128.396.204	120.832.806	31.796.104
Thuế bảo vệ môi trường	-	1.775.000	1.775.000	-
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	4.321.034	4.321.034	-
Cộng	2.561.403.149	13.632.552.733	13.027.918.475	3.166.037.407

Toàn bộ nghĩa vụ thuế và các khoản phải nộp Nhà nước được thanh toán trong ngắn hạn.

Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ với thuế suất 8-10%.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Công ty phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 20%.

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong kỳ được dự tính như sau:

	Quý này	
	Năm nay	Năm trước
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	1.980.538.129	5.614.331.658
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:	55.886.000	25.571.321
- Các khoản điều chỉnh tăng	55.886.000	25.571.321
- Các khoản điều chỉnh giảm	-	-
Thu nhập tính thuế	2.036.424.129	5.639.902.979
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	20%	20%
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	407.284.826	1.127.980.596

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của Công ty được căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau. Do vậy số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính giữa niên độ có thể sẽ thay đổi khi cơ quan thuế kiểm tra.

Các loại thuế khác

Công ty kê khai và nộp theo quy định.

12. Chi phí phải trả khác

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN NĂNG LƯỢNG SƠN HÀ

Địa chỉ: Lô D, Cụm Công nghiệp Thị trấn Phùng, xã Đan Phượng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ III/2026

Kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 07 năm 2026 đến ngày 30 tháng 9 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Chi phí lãi vay phải trả		109.018.363
Chi phí phải trả khác	-	257.540.000
Cộng	-	366.558.363
13. Phải trả ngắn hạn khác		
	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<i>Phải trả các bên liên quan</i>	<i>32.084.452</i>	<i>30.908.188</i>
Công ty TNHH MTV Sơn Hà SSP Việt Nam – thu chi hộ	32.084.452	30.908.188
<i>Phải trả các đơn vị và cá nhân khác</i>	<i>291.879.202</i>	<i>311.448.065</i>
Kinh phí công đoàn	224,628,410	260.959.485
Các khoản phải trả ngắn hạn khác	99,335,244	50.488.580
Cộng	323.963.654	342.356.253
14. Vay		
14a. Vay ngắn hạn		
	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<i>Vay ngắn hạn ngân hàng^(*)</i>	<i>100.552.336.373</i>	<i>86.260.763.667</i>
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Thanh Xuân	18,312,436,534	19.101.072.343
Ngân hàng TMCP Quân đội – Chi nhánh Đống Đa	57.702.467.897	53.564.252.453
Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng – Chi nhánh Hà Nội	8,293,557,526	13.595.438.871
Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam – Cn Hoàn Kiếm	16.243.874.416	
<i>Vay dài hạn đến hạn trả (Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh Nghệ An)</i>	<i>1.110.000.000</i>	<i>1.480.000.000</i>
(Xem thuyết minh V.14b)		
Cộng	101.662.336.373	87.740.763.667

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN NĂNG LƯỢNG SƠN HÀ

Địa chỉ: Lô D, Cụm Công nghiệp Thị trấn Phùng, xã Đan Phượng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ III/2026

Kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 07 năm 2026 đến ngày 30 tháng 9 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

(*) Thông tin về các khoản vay Ngân hàng ngắn hạn như sau:

<i>Ngân hàng</i>	<i>Hạn mức</i>	<i>Thời hạn</i>	<i>Lãi suất/năm</i>	<i>Tài sản đảm bảo</i>
Ngân hàng BIDV - Chi nhánh Thanh Xuân	50 tỷ VND	12 tháng	7,2% - 8%	Các hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn; máy móc thiết bị
Ngân hàng MB - Chi nhánh Đồng Đa	85 tỷ VND	12 tháng	8,5% - 9,6%	Quyền đòi nợ phát sinh từ các Hợp đồng nguyên tắc giữa bên thế chấp và Công ty Cổ phần Quốc tế Sơn Hà.
Ngân hàng TMCP VP - Chi nhánh Hà Nội	30 tỷ VND,	12 tháng	10,3% - 11,3%	Cam kết trả nợ thay của Công ty Cổ phần Quốc tế Sơn Hà

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay ngắn hạn trong kỳ như sau:

	Vay ngắn hạn ngân hàng	Vay dài hạn đến hạn trả	Cộng
Số đầu năm	86.260.763.667	1.480.000.000	87.740.763.667
Số tiền vay phát sinh trong kỳ	146.455.794.617	-	146.455.794.617
Số kết chuyển từ vay và nợ dài hạn	-	740.000.000	740.000.000
Số tiền vay đã trả trong kỳ	(132.164.221.911)	(1.110.000.000)	(133.274.221.911)
Số cuối kỳ	100.552.336.373	1.110.000.000	101.662.336.373

14b. Vay dài hạn

Là khoản vay Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh Nghệ An theo hợp đồng ngày 12 tháng 10 năm 2020, mục đích vay để thanh toán các chi phí đầu tư hợp pháp của dự án đầu tư hệ thống pin năng lượng mặt trời công suất 998 kWp, thời hạn vay 84 tháng, lãi suất cho vay theo từng giấy nhận nợ và được điều chỉnh một tháng một lần, tài sản đảm bảo là toàn bộ quyền thu hồi công nợ bán điện từ hệ thống điện mặt trời mái nhà theo Hợp đồng mua bán điện số 66 ngày 11 tháng 12 năm 2020 ký với Tổng công ty Điện lực Miền Trung và máy móc thiết bị thuộc dự án đầu tư hệ thống năng lượng mặt trời Chu Lai.

15. Dự phòng phải trả

15a. Dự phòng phải trả ngắn hạn

Là khoản dự phòng bảo hành sản phẩm, hàng hóa.

15b. Dự phòng phải trả dài hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Dự phòng bảo hành sản phẩm, hàng hóa	867.486.577	867.486.577
Dự phòng trợ cấp thôi việc	47.218.500	47.218.500
Cộng	914.705.077	914.705.077

16. Vốn chủ sở hữu

16a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN NĂNG LƯỢNG SƠN HÀ

Địa chỉ: Lô D, Cụm Công nghiệp Thị trấn Phùng, xã Đan Phượng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ III/2026

Kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 07 năm 2026 đến ngày 30 tháng 9 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số đầu năm trước	115.025.160.000	-	4.406.859.603	31.168.870.725	150.600.890.328
Lợi nhuận trong kỳ trước	-	-	-	5.391.869.420	5.391.869.420
Trích lập các quỹ	-	-	-	(122.497.606)	(122.497.606)
Thù lao HĐQT, BKS	-	-	-	(168.263.737)	(168.263.737)
Số dư cuối kỳ trước	115.025.160.000	-	4.406.859.603	36.269.978.802	155.701.998.405
Số dư đầu năm nay	149.531.560.000	-	-	13.310.000.565	162.841.560.565
Tăng vốn để hoán đổi phần vốn góp tại SSP	500.507.630.000	1.101.120.105	-	-	501.608.750.105
Lợi nhuận trong kỳ	-	-	-	11.424.621.538	11.424.621.538
Thù lao HĐQT, BKS	-	-	-	(174.000.000)	(174.000.000)
Số dư cuối kỳ này	650.039.190.000	1.101.120.105	-	24.560.622.103	675.700.932.208

(i) Xem thuyết minh số V.2b.

16b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Công ty Cổ phần Quốc tế Sơn Hà	575.837.270.000	75.329.640.000
Các cổ đông khác	74.201.920.000	74.201.920.000
Cộng	650.039.190.000	149.531.560.000

16c. Cổ phiếu

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Số lượng cổ phiếu phổ thông đăng ký phát hành	65.003.919	14.953.156
Số lượng cổ phiếu phổ thông đã phát hành	65.003.919	14.953.156
Số lượng cổ phiếu phổ thông đang lưu hành	65.003.919	14.953.156
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.		

17. Các khoản mục ngoài Báo cáo tình hình tài chính giữa niên độ

17a. Tài sản thuê ngoài

Công ty hiện đang thuê văn phòng nhà xưởng theo các hợp đồng thuê hoạt động. Vào ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản tiền thuê phải trả trong tương lai theo hợp đồng thuê hoạt động như sau:

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Từ 1 năm trở xuống	2.171.086.188	2.171.086.188
Trên 1 năm đến 5 năm	4.704.020.074	6.513.258.564
Cộng	6.875.106.262	8.684.344.752

17b. Tài sản cầm cố, thế chấp

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN NĂNG LƯỢNG SƠN HÀ

Địa chỉ: Lô D, Cụm Công nghiệp Thị trấn Phùng, xã Đan Phượng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ III/2026

Kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 07 năm 2026 đến ngày 30 tháng 9 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

	Giá trị số sách		Bên nhận cầm cố, thế chấp
	Số cuối kỳ	Số đầu năm	
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (xem thuyết minh số V.2)	17.444.396.447	11.184.025.247	
Tiền gửi có kỳ hạn	6.238.771.200	6.128.400.000	Ngân hàng TMCP Quân đội
Tiền gửi có kỳ hạn	6.150.000.000		Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam
Tiền gửi có kỳ hạn	5.055.625.247	5.055.625.247	Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam
Phải thu khách hàng (xem Thuyết minh số V.3)	146.575.125.802	113.456.764.762	
Công ty Cổ phần Quốc tế Sơn Hà	146.575.125.802	113.281.176.522	Ngân hàng TMCP Quân đội
Công ty Điện lực Đà Nẵng - Chi nhánh Tổng công ty Điện lực Miền Trung	-	175.588.240	Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam
Tài sản cố định hữu hình (xem thuyết minh số V.8)	10.535.493.742	10.941.233.464	
Máy đột dùng điện JT 30 - 15.5W	882.961.438	954.554.308	Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam
Dự án Điện Mặt trời áp mái tại Khu công nghiệp Chu Lai, Quảng Nam	9.652.532.304	9.986.679.156	Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam
Cộng	163,098,308,865	135.582.023.473	

Thời hạn thế chấp tài sản có hiệu lực đến thời điểm các nghĩa vụ bảo đảm đã được thực hiện xong và các bên hoàn tất thủ tục giải chấp, xóa đăng ký biện pháp bảo đảm.

17c. Nợ khó đòi đã xử lý

Nợ khó đòi đã xử lý chỉ bao gồm khoản nợ quá hạn trên 3 năm của Ông Hoàng Trọng Thủy, đã được trích lập dự phòng 100% từ các năm trước. Công ty đã thu hồi được một phần công nợ và hoàn nhập dự phòng tương ứng; phần còn lại không có khả năng thu hồi, với số tiền 87.000.000 VND, đã được xóa sổ theo quy định.

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN NĂNG LƯỢNG SƠN HÀ

Địa chỉ: Lô D, Cụm Công nghiệp Thị trấn Phùng, xã Đan Phượng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ III/2026

Kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 07 năm 2026 đến ngày 30 tháng 9 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ

1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

1a. Tổng doanh thu

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Doanh thu bán hàng hóa	84.397.200.844	44.855.010.562
Doanh thu bán thành phẩm	17.691.680.034	27.563.556.873
Doanh thu cung cấp dịch vụ	1.520.849.176	1.187.448.631
Doanh thu khác		
Cộng	103.609.730.054	73.606.016.066

1b. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan

Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan trong kỳ là 40.523.067.523 VND (Cùng kỳ năm trước: 41.484.279.178 VND).

Giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan được trình bày tại thuyết minh số VIII.1b.

2. Các khoản giảm trừ doanh thu

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chiết khấu thương mại		14.400.000
Hàng bán bị trả lại	1.063.254.840	125.170.321
Cộng	1.063.254.840	139.570.321

3. Giá vốn hàng bán

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Giá vốn của hàng hóa đã bán	82.440.343.561	41.603.804.074
Giá vốn của thành phẩm đã bán	15.258.307.866	23.536.149.662
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	613.329.817	424.167.946
Các khoản ghi giảm giá vốn hàng bán khác		
Cộng	98.311.981.244	65.564.121.682

4. Doanh thu hoạt động tài chính

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền gửi không kỳ hạn	30.635.265	23.399.367
Lãi tiền gửi có kỳ hạn		
Lãi chậm thanh toán theo hợp đồng (xem thuyết minh V.3)	592.784.718	
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh	22.158.336	44.927
Cộng	645.578.319	23.444.294

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN NĂNG LƯỢNG SƠN HÀ

Địa chỉ: Lô D, Cụm Công nghiệp Thị trấn Phùng, xã Đan Phượng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ III/2026

Kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 07 năm 2026 đến ngày 30 tháng 9 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

5. Chi phí tài chính

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí lãi vay	2.180.524.196	1.324.889.797
Lỗi chênh lệch tỷ giá phát sinh	15.310.424	8.034.330
Lỗi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	-	-
Cộng	2.195.834.620	1.332.924.127

6. Chi phí bán hàng

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí cho nhân viên	159.424.740	-
Chi phí khấu hao tài sản cố định	25.209.150	30.711.510
Chi phí bảo hành	222.483.779	214.483.671
Chi phí dịch vụ mua ngoài	43.170.000	114.577.222
Các chi phí khác	1.246.707	200.457.419
Cộng	451.534.376	560.229.822

7. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí cho nhân viên	787.088.731	1.299.063.942
Chi phí khấu hao tài sản cố định	17.557.599	59.233.415
Chi phí dịch vụ mua ngoài	240.340.480	283.574.780
Chi phí dự phòng	-1.163.263.166	-
Các chi phí khác	365.719.715	498.042.241
Cộng	247.443.359	2.139.914.378

(*) Chi phí nhân viên kỳ này giảm so với kỳ trước do trong kỳ đơn vị giảm lương của Ban điều hành và số lượng nhân viên khối quản lý giảm.

8. Lãi trên cổ phiếu

Thông tin về lãi trên cổ phiếu được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

9. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	48,733,531,693	62,226,338,091
Chi phí nhân công	4,320,492,749	4,485,774,374
Chi phí khấu hao tài sản cố định	393,844,809	350,363,976
Chi phí dịch vụ mua ngoài	297,405,775	328,916,828
Chi phí khác	4,066,736,898	3,838,755,018
Cộng	57,812,011,924	71,230,148,287

VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN NĂNG LƯỢNG SƠN HÀ

Địa chỉ: Lô D, Cụm Công nghiệp Thị trấn Phùng, xã Đan Phượng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ III/2026

Kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 07 năm 2026 đến ngày 30 tháng 9 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Các giao dịch không bằng tiền

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền gửi có kỳ hạn nhập gốc	110.371.200	-
Phát hành cổ phiếu tăng vốn để hoán đổi phần vốn góp tại SSP	501.608.750.105	-

VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Các bên liên quan với Công ty bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

1a. Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và các thành viên Ban điều hành (Giám đốc, Kế toán trưởng). Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

Công ty không phát sinh giao dịch và không có công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt

	Chức vụ	Tiền lương	Thù lao	Cộng thu nhập
Kỳ này				
Ông Lê Vĩnh Sơn	Chủ tịch HĐQT	-	18.000.000	18.000.000
Ông Hoàng Mạnh Tân	Phó Chủ tịch HĐQT	450.000.000	9.000.000	459.000.000
Ông Trần Ngọc Hùng	Thành viên HĐQT/ Giám đốc	360.000.000	9.000.000	369.000.000
Bà Nông Thị Thanh Vân	Thành viên HĐQT	-	4.500.000	4.500.000
Ông Nguyễn Đình Quý	Thành viên HĐQT	-	9.000.000	9.000.000
Bà Lương Diệu Cẩm	Thành viên HĐQT	-	9.000.000	9.000.000
Bà Trịnh Thị Kim Anh	Kế toán trưởng	259.916.813	-	259.916.813
Bà Nguyễn Thị Gấm	Trưởng BKS	-	12.000.000	12.000.000
Bà Lê Thị Thảo	Thành viên BKS	-	6.000.000	6.000.000
Ông Trần Văn Thi	Thành viên BKS	-	6.000.000	6.000.000
Cộng		1.069.916.813	82.500.000	1.152.416.813
Kỳ trước				
Ông Lê Vĩnh Sơn	Chủ tịch HĐQT	-	18.000.000	18.000.000
Ông Hoàng Mạnh Tân	Phó Chủ tịch HĐQT	777.542.900	9.000.000	786.542.900
Ông Trần Ngọc Hùng	Thành viên HĐQT/ Giám đốc	180.000.000	9.000.000	189.000.000
Bà Nông Thị Thanh Vân	Thành viên HĐQT	-	9.000.000	9.000.000
Ông Nguyễn Đình Quý	Thành viên HĐQT	-	9.000.000	9.000.000
Bà Lương Diệu Cẩm	Thành viên HĐQT	-	9.000.000	9.000.000
Ông Đinh Đức Tuấn	Phó Giám đốc	288.108.450	-	288.108.450
Bà Trịnh Thị Kim Anh	Kế toán trưởng	163.193.360	-	163.193.360
Bà Nguyễn Thị Gấm	Trưởng BKS	-	12.000.000	12.000.000
Bà Lê Thị Thảo	Thành viên BKS	-	6.000.000	6.000.000
Ông Trần Văn Thi	Thành viên BKS	-	6.000.000	6.000.000
Cộng		1.408.844.710	87.000.000	1.495.844.710

1b. Giao dịch và số dư với các bên liên quan khác

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN NĂNG LƯỢNG SƠN HÀ

Địa chỉ: Lô D, Cụm Công nghiệp Thị trấn Phùng, xã Đan Phượng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ III/2026

Kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 07 năm 2026 đến ngày 30 tháng 9 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Bên liên quan khác	Mối quan hệ
Công ty Cổ phần Quốc tế Sơn Hà	Công ty mẹ
Công ty TNHH MTV Sơn Hà SSP Việt Nam	Công ty con (từ ngày 24/02/2026)
Công ty Cổ phần Kinh doanh và Phát triển Dự án Sơn Hà	Cùng công ty mẹ
Công ty TNHH MTV Kinh doanh và Phát triển dịch vụ Sơn Hà Miền Bắc	Cùng công ty mẹ
Công ty Cổ phần Tổng công ty Toàn Mỹ (Toàn Mỹ)	Cùng công ty mẹ
Công ty TNHH MTV Toàn Mỹ Miền Trung	Công ty con của Toàn Mỹ
Công ty Cổ phần Thiết bị Gia dụng Sơn Hà Bắc Ninh	Công ty con của Toàn Mỹ
Công ty Cổ phần Sơn Hà Nghệ An	Công ty con của Toàn Mỹ
Công ty Cổ phần Sơn Hà Sài Gòn (Sơn Hà Sài Gòn)	Bên liên quan của thành viên quản lý chủ chốt
Công ty TNHH MTV Quốc Tế Sơn Hà - Chu Lai	Công ty con của Sơn Hà Sài Gòn

Trong kỳ, Công ty phát sinh các giao dịch trọng yếu với các bên liên quan khác như sau:

Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này

	Năm nay	Năm trước
Công ty Cổ phần Quốc tế Sơn Hà		
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	71,005,670,743	90,676,908,901
Chiết khấu thương mại		947,600,000
Hàng bán bị trả lại	47,302,635	54,580,143
Mua hàng hóa, sử dụng dịch vụ	53,750,142,721	98,007,273,548
Thuê nhà xưởng	2,032,604,280	2,032,604,280
Lãi chậm thanh toán theo hợp đồng	7,196,343,770	4,377,897,316
Công ty TNHH MTV Sơn Hà SSP Việt Nam		
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	16,472,192,391	80,514,266
Mua hàng hóa, sử dụng dịch vụ	6,373,201,799	45,060,973,641
Công ty Cổ phần Kinh doanh và Phát triển Dự án Sơn Hà		
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	287,427,100	140,312,444
Mua hàng hóa, sử dụng dịch vụ		26,848,148
Công ty TNHH MTV Kinh doanh và Phát triển dịch vụ Sơn Hà Miền Bắc		
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	3,953,680,286	2,608,952,266
Chiết khấu thương mại	33,002,600	96,111,111
Hàng bán bị trả lại		20,141,270
Mua hàng hóa, dịch vụ	25,333,334	
Công ty Cổ phần Tổng công ty Toàn Mỹ		
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	6,385,212,350	2,082,435,120
Mua hàng hóa, sử dụng dịch vụ	219,978,275	33,375,000
Trả lại hàng mua		923,400
Công ty TNHH MTV Toàn Mỹ Miền Trung		
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	2,312,155,000	2,145,081,500
Công ty Cổ phần Thiết bị Gia dụng Sơn Hà Bắc Ninh		

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN NĂNG LƯỢNG SƠN HÀ

Địa chỉ: Lô D, Cụm Công nghiệp Thị trấn Phùng, xã Đan Phượng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ III/2026

Kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 07 năm 2026 đến ngày 30 tháng 9 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	644,226,029	260,617,977
Mua hàng hóa, sử dụng dịch vụ	64,587,554,104	30,769,560,534
Trả lại hàng mua	52,075,730	41,034,686

Công ty Cổ phần Sơn Hà Nghệ An

Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	4,104,380,871	5,168,113,990
Hàng bán bị trả lại	18,413,900	14,640,800
Mua hàng hóa, sử dụng dịch vụ	94,950,000	91,409,630

Công ty Cổ phần Sơn Hà Sài Gòn

Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	3,075,849,015	3,093,353,700
Hàng bán bị trả lại	16,929,910	131,790,180

Công ty TNHH MTV Quốc tế Sơn Hà - Chu Lai

Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	257,634,611	109,936,400
Mua hàng hóa, sử dụng dịch vụ	204,545,454	204,545,454

Giá hàng hóa, dịch vụ cung cấp cho các bên liên quan khác là giá thị trường. Việc mua hàng hóa, dịch vụ từ các bên liên quan khác được thực hiện theo giá thỏa thuận.

Phê duyệt, ngày 29 tháng 10 năm 2026

Người lập biểu

Trần Thị Thùy Liên

Kế toán trưởng

Trịnh Thị Kim Anh

Người đại diện theo pháp luật



Trần Ngọc Hùng